

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 9 năm 2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Viêm Văn Doãn; Ông Nguyễn Quốc Trung.

Thư ký phiên toà: Bà Hạp Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Hồ Thị Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1978 (Có mặt).

HKTT: Thôn V, xã H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1986 (Có mặt).

HKTT: Thôn V, xã H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn L trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn vào ngày 17 tháng 12 năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Kết hôn xong, vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận đến đầu năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là:

Nguyễn Thị Mai C, sinh ngày 23/9/2010 và Nguyễn Văn L sinh ngày 13/6/2012. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân 02 cháu ở với chị N. Khi ly hôn quan điểm của anh mỗi người nuôi một cháu. Hiện nay anh đang công tác tại Trung đoàn 284 quân chủng phòng không không quân tại huyện Q, mức lương bình quân là 9.000.000đ/ tháng. Anh đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc cháu. Do công tác trong quân đội nên cứ một tuần anh về một lần, có những lần đi công tác 1 tháng mới về.

Về tài sản chung: Không có

Về công nợ chung: Không có

Đối với khoản nợ của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị N anh khai trong đơn, đây là hai khoản nợ riêng của anh, chưa đến hạn trả khi nào nào đến hạn trả anh sẽ có trách nhiệm trả, anh không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Phía bị đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị thừa nhận điều kiện thủ tục kết hôn như anh L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn chị về nhà anh L chung sống, bố mẹ anh L cho anh chị ở riêng trên nhà và đất của bố mẹ anh. Quá trình chung sống đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L chơi bời, nợ nần, chị đã 3 lần đi trả các khoản nợ riêng cho anh L, tất cả các giấy nợ chị xuất trình cho Tòa đến nay chị đã trả hết cho anh. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào khoảng tháng 6/ 2017, vợ chồng thường xuyên đánh cãi nhau, anh L đánh và đuổi chị ra khỏi nhà. Chị và hai con đi thuê nhà ở riêng từ đó cho tới nay. Trong thời gian chuyển ra ở riêng một mình chị nuôi các cháu. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh L xin ly hôn ,chị đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như anh L trình bày là đúng. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu với lý do: Các cháu còn nhỏ, từ khi vợ chồng sống ly thân 02 cháu vẫn ở với chị, chị không muốn tách các cháu ra, ảnh hưởng đến việc học tập và cuộc sống của các cháu. Mặt khác, anh L do công tác xa nên không thường xuyên ở nhà, đến cuối tuần mới về, thỉnh thoảng lại đi công tác 3, 4 tuần nên không gần gũi, chăm sóc và dạy dỗ các cháu thường xuyên được. Hiện tại anh L không có nhà riêng, đang ở chung cùng với bố mẹ, bản thân anh chơi bời, nợ nần, trong thời gian chung sống với anh, bản thân chị đã phải trả nợ cho anh, lương của anh không đủ để trả nợ. Do vậy, chị tha thiết đề nghị Tòa giao 02 con chung cho chị nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống cho các cháu. Hiện nay, chị công tác tại Trường mầm non Đ, huyện Y. Ngoài ra, chị còn làm nhà phân phối bán hàng qua mạng cho Công ty cổ phần đầu tư quốc tế Minh Thảo JSC, tổng thu nhập bình quân một tháng là 12.000.000đ. Chị đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung : Không có

- Về công nợ: Trong quá trình chung sống với anh L, những khoản nợ riêng của anh L mà chị biết, chị đã trả cho anh L xong, còn hiện nay anh L nợ riêng ở đâu nữa chị không biết. Còn nợ chung của vợ chồng thì không có.

Tại bản tự khai ngày 17/7/2018 cháu Nguyễn Thị Mai C trình bày: Bố mẹ cháu ly hôn cháu đề nghị Tòa cho cháu và em cháu được ở cùng với mẹ.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đúng pháp luật

Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị N

- Về con chung: Giao 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng không xem xét.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn L kết hôn với chị Nguyễn Thị N ngày 17/12/2009, anh chị đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến đầu năm 2017 thì mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên đánh cãi nhau, anh chị ly thân từ tháng 6/2017 đến nay. Nay anh L và chị N đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh L và chị N không còn, anh chị thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên cần chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là:

Nguyễn Thị Mai C, sinh ngày 23/9/2010 và Nguyễn Văn L sinh ngày 13/6/2012. Khi ly hôn anh L có nguyện vọng được nuôi một cháu, chị N có nguyện vọng nuôi cả hai cháu. Xét thấy, anh L công tác tại Trung đoàn 284 quân chủng phòng không không quân tại huyện Q cứ một tuần mới về nhà một lần, có lần đi công tác một tháng mới về, không có điều kiện để thường xuyên chăm sóc và dạy bảo các cháu. Mặt khác, từ thời gian ly thân cho đến nay 02 cháu vẫn ở cùng với chị N, cháu Mai C có nguyện vọng được ở cùng với mẹ và với em, chị N là giáo viên trường mầm non nên điều kiện chăm sóc và dạy dỗ các cháu thuận lợi hơn. Bởi vậy, để đảm bảo và không làm xáo trộn cuộc sống cùng việc học tập của các cháu cần giao 02 cháu Nguyễn Thị Mai C và cháu Nguyễn Văn L cho chị N nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Đối với khoản nợ của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị N anh L khai trong đơn, đây là hai khoản nợ riêng của anh, chưa đến hạn trả khi nào nào đến hạn trả anh sẽ có trách nhiệm trả, anh không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Văn L tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, 235, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị N

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Mai C sinh ngày 23/9/2010 và cháu Nguyễn Văn L sinh ngày 13/6/2012 cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vấn đề cấp dưỡng: không yêu cầu

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000đ (Xác nhận anh L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2017/0000788 ngày 12/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh). Anh L đã nộp đủ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND TP. Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP. Bắc Ninh;
- UBND phường Thị Cầu, TP. Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Ngọc Anh

